VIỆN HÀN LÂM
KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VN
BẢO TÀNG THIÊN NHIÊN VIỆT NAM

Số: 209 /QĐ-BTTNVN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 28 tháng 6 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai dự toán năm 2018 (đợt 4) của Bảo tàng Thiên nhiên Việt Nam

TỔNG GIÁM ĐỐC
BẢO TÀNG THIÊN NHIÊN VIỆT NAM

Căn cứ Quyết định số 1738/QĐ-VHL ngày 09/8/2017 của Chủ tịch Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam về việc Ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của Bảo tàng Thiên nhiên Việt Nam

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 2844/QQĐ-VHL ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Chủ tịch Viện Hàn lâm KHCNVN về việc giao chỉ tiêu kế hoạch năm 2018 cho Bảo tàng Thiên nhiên Việt Nam;

Căn cứ Giấy báo ngày 31/01/2018 của Kho bạc Nhà nước Tây Hồ về việc cấp kinh phí Đề tài "Đánh giá đa dạng di truyền và thụ phấn chéo trong quần thể và loài của một số loài cây họ Dầu (Dipterocarpaceae) đang bị đe dọa trong hệ sinh thái rừng miền Đông Nam Bộ" - Mã số: 106.06-2017.14;

Căn cứ Giấy báo ngày 07/02/2018 của Kho bạc Nhà nước Tây Hồ về việc cấp kinh phí Hợp đồng nghiên cứu khoa học "Nghiên cứu phân tích hàm lượng các hoạt chất sinh học có trong thịt rắn hổ mang nuôi thương phẩm tại Vĩnh Sơn, Vĩnh Phúc và rắn hổ mang hoang dã tự nhiên" giữa Bảo tàng Thiên nhiên Việt Nam và Trung tâm Y học Thể thao;

Căn cứ Giấy báo ngày 11/4/2018 của Kho bạc Nhà nước Tây Hồ về việc cấp kinh phí Đề tài "Nghiên cứu phát triển một số cây tinh dầu thân thảo có giá trị kinh tế cao và ứng dụng công nghệ chế biến tinh dầu phục vụ phát triển kinh tế xã hội tại Tây Nguyên" và Đề tài "Nghiên cứu giá trị di sản hang động, đề xuất xây dựng bảo tàng bảo tồn tại chỗ ở Tây Nguyên, lấy thí dụ Hang động núi lửa ở Krông Nô, tỉnh Đăk Nông";

Căn cứ Giấy báo ngày 11/4/2018 của Kho bạc Nhà nước Tây Hồ về việc cấp kinh phí Hợp đồng gia công tạo dựng 02 mẫu tiêu bản động vật ký ngày 06/3/2018 giữa Bảo tàng Thiên nhiên Việt Nam và Công ty TNHH MTV Thảo Cầm Viên Sài Gòn;

Căn cứ Quyết định số 1160/QQĐ-VHL ngày 19 tháng 6 năm 2018 của Chủ tịch Viện Hàn lâm KHCNVN về việc giao chỉ tiêu kế hoạch năm 2018 cho Bảo tàng Thiên nhiên Việt Nam (đợt điều chỉnh tháng 6/2018);

Xét đề nghị của Trưởng phòng Quản lý Tổng hợp,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán năm 2018 (đợt 4) của Bảo tàng Thiên nhiên Việt Nam (Kèm theo biểu số 02).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Trưởng phòng Quản lý Tổng hợp và Trưởng phòng các đơn vị trực thuộc chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu: VT, KT, HTN06.

TỔNG GIÁM ĐỐC

VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM
BẢO TÀNG THIÊN NHIÊN VIỆT NAM

Nguyễn Trung Minh

Đơn vị: Bảo tàng Thiên nhiên Việt Nam

Chương: 046 **Biểu số 2**

DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2018 - ĐỢT 4

(Kèm theo Quyết định số 209/QĐ-BTTNVN ngày 28 / 6 /2018 của Bảo tàng Thiên nhiên Việt Nam)

Đvt: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	
1	Số thu phí, lệ phí	
1.1	Lệ phí	
1.2	Phí	
1.3	Thu hoạt động SX, cung ứng dịch vụ	95,200
1.4	Thu sự nghiệp khác	7.452,320
2	Chi từ nguồn thu phí được để lại	
2.1	Chi sự nghiệp.....	
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
2.2	Chi quản lý hành chính	
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
3	Số phí, lệ phí nộp NSNN	
2.3	Lệ phí	
2.4	Phí	
2.5	Chi hoạt động SX, cung ứng dịch vụ	
2.6	Chi sự nghiệp khác	
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	
1	Chi quản lý hành chính	
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
2	Nghiên cứu khoa học	
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ	6.050,000
	- Chi thường xuyên khác	235,500
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng	4.528,700
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	17.110,000
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	

4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
5	Chi bảo đảm xã hội	
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
6	Chi hoạt động kinh tế	
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	600,000
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	6.400,000
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
11	Chi Chương trình mục tiêu	
1	Chi Chương trình mục tiêu quốc gia	
	(Chi tiết theo từng Chương trình mục tiêu quốc gia)	
2	Chi Chương trình mục tiêu	
	(Chi tiết theo từng Chương trình mục tiêu)	